

Mai Thảo – Người Giữ Lửa Cho Văn Học Việt Hải Ngoại

Đỗ Trường



Hình 10: nhà văn thuyền nhân Mai Thảo đến bến bờ tự do
Pulau Besar, Mã-lai 12.1977 [nguồn: internet]

Truyện ngắn Chiến Tranh Đã Qua Lâu Rồi, tôi viết năm 2017, có đoạn nhân vật Nguyễn Thị Nhạn cựu bộ đội hồi chánh, hỏi:

- Em viết văn, thế có biết nhà văn Mai Thảo không?
- Dạ có, Mai Thảo là nhà văn lớn tài hoa, không chỉ riêng cho nền Văn học miền Nam. Ông cũng là người Chợ Cồn, Nam Định quê chị.
- Đúng rồi đó, chị là cháu họ của Mai Thảo. Sau 1975 ông trốn ra Hồ Nai, chị có được gặp. Nhưng lúc đó, bọn nằm vùng lộ mặt chỉ điểm khá đông, nên ông lại quay về Saigon. Cũng may, Mai Thảo vừa đi, thì họ đến bắt chị, can tội hồi chánh và không chịu trình diện...“.

Vâng! Chỉ một đoạn thoại ngắn, song tôi bị ám ảnh mãi về thân phận Mai Thảo sau 1975, khi ngồi viết truyện ngắn này. Do vậy, khi nhà văn Lê Thị Huệ điện báo, muốn Đỗ Trường viết cho Gió-O một bài về 50 năm Văn học Việt hải ngoại, làm tôi nghĩ ngay đến ông (nhà văn Mai Thảo). Bởi với tôi, nếu Minh Đức Hoài Trinh là khuôn mặt đại diện cho Văn học Việt hải ngoại, thì Mai Thảo là người giữ, và truyền ngọn lửa văn học ấy. Tuy nhiên, trước khi đi sâu vào thơ văn Mai Thảo, có lẽ cần phải điểm lại vài nét về sự hình thành cũng như phát triển Văn học Việt hải ngoại.

*Vài nét về Văn học Việt hải ngoại.

Dường như, nói đến Văn học hải ngoại, ta thường nghĩ ngay đến cái mốc 30 tháng 4-1975, khi người Việt ồ ạt trốn chạy, bỏ nước ra đi. Nhưng với tôi, có lẽ không hẳn vậy. Bởi, Văn học hải ngoại đã được manh nha từ trước 1975 khá lâu, với những cây viết phần lớn là du học sinh. Ngay từ thập niên 50, ngoài tác phẩm Đời Phi Công của Nguyễn Xuân Vinh, ta thấy đã xuất hiện hàng loạt các nhà thơ viết rất hay, mới lạ: Cung Trầm Tưởng, Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Sa, Minh Đức Hoài Trinh... Đến thập niên 60, 70 cùng với nhà phê bình Đặng Tiến, các văn thi sĩ: Thi Vũ, Đỗ Quỳnh Dao, Mai Ninh, Phan Thị Trọng Tuyền... (Pháp Quốc) và ngoài ra còn có nhà văn Ngô Nguyên Dũng (Đức) nhà thơ Lê Hân (Hoa Kỳ/ Canada) cũng để lại ấn tượng khá sâu sắc trong lòng người đọc. Họ đều là sinh viên, do vậy thời gian này viết không nhiều. Tuy chưa đậm nét, song nó như những viên gạch lót đường cho những sáng tác sau này của họ, cũng như Văn học Việt hải ngoại. Khi đọc Văn học Việt hải ngoại từ sau 1975 đến nay, tôi thường (tạm) chia ra thành ba giai đoạn để theo dõi, đánh giá. Có thể nói, giai đoạn đầu từ năm 1975 đến cuối 1979 như một sự chuyển tiếp của Văn học miền Nam ra vùng đất mới, với những nhà văn, nhà thơ: Võ Phiến, Mặc Đỗ, Du Tử Lê, Viên Linh, Linh Bảo, Thanh Nam, Túy Hồng...

Giai đoạn hai, từ đầu năm 1980 đến 1990 sự khởi sắc Văn học hải ngoại. Bởi, ngoài thành lập Hội văn bút Việt hải ngoại (1979) thuộc Văn bút quốc tế và người đứng đầu là Minh Đức Hoài Trinh, còn có thêm sự góp mặt của các nhà văn, nhà thơ thuyền nhân, hay đoàn tụ như: Mai Thảo, Duyên Anh, Trần Hoài Thư, Luân Hoán, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng... Và đặc biệt sự xuất hiện của các nhà văn, nhà phê bình trẻ: Lê Thị Huệ, Trần Trung Đạo, Hoàng Mai Đạt, Đỗ K (Khiêm) Tường Năng Tiến, Võ Hoàng, Khánh Trường hay Trần Vũ, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Vy Khanh... với giọng văn mới lạ, đưa sinh khí mới đến văn thơ Việt hải ngoại.

Từ 1990 đến nay với sự góp mặt các nhà văn H.O, và chính phủ các nước bảo lãnh như: Phan Nhật Nam, Tô Thùy Yên, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Thảo Trường... cùng những người lính, tù nhân cũng là chứng nhân của lịch sử buộc phải cầm bút: Phạm Tín An Ninh, Song Vũ, Trạch Gầm, Lâm Chương, Cao Xuân Huy hay Vương Mộng Long... Vì vậy có thể nói, Văn học hải ngoại đã bước sang trang mới, với nhiều đề tài, đa sắc. Đề tài chiến tranh, người lính vẫn còn ám ảnh, đè nặng lên ngòi bút của các văn nhân thi sĩ. Song có điều đáng tiếc, mảng phê bình ậm ạch, chưa thể song hành cùng sự phát triển đa dạng của thơ văn. Ta có thể thấy, ở hải ngoại có nhiều nhà lý luận, phê bình, biên khảo tài năng. Tuy nhiên, các bác vẫn giữ lối viết chung chung, lờngh, chưa đi thẳng vào từng tác phẩm, tư tưởng tác giả một cách rạch ròi, né tránh những vấn đề mang

tính thời sự, hoặc tác phẩm gai góc, va chạm. Nhất là đối với những nhà văn mới và các tác phẩm gần đây. Mà phần đông tác giả là những người lính thất trận, trải qua năm tháng dài tù tội.

Việc thành lập Hội văn bút Việt hải ngoại ngoài sự nỗ lực của nhà thơ Minh Đức Hoài Trinh cùng các cộng sự, ta còn thấy đó là nhu cầu tất yếu của Văn học hải ngoại. Bởi vậy, trước dấu mốc quan trọng, và sự khởi sắc ấy, nhà văn Mai Thảo sau một thời gian cộng tác với Báo Đất Mới của Thanh Nam, ông đã tái lập Tạp chí Văn. Một tạp chí ông đã từng phụ trách ở Saigon trước 1975. Ở đó, Mai Thảo không chỉ đưa những tác phẩm của các nhà văn tên tuổi đến với người đọc, mà ông còn phát hiện, nâng đỡ nhiều nhà văn trẻ. Cả cuộc đời không vợ con, có thể nói Mai Thảo đã dành trọn vẹn cho văn học nghệ thuật, kể cả những lúc cuộc sống cô đơn, bi đát nhất.

Mai Thảo tên thật là Nguyễn Đăng Quý, sinh năm 1927 tại Nam Định trong một gia đình phú hào. Do vậy, ông được học hành, kết giao bạn bè rộng rãi. Tuổi trẻ ông đã từng tham gia kháng chiến. Rồi cũng như Phạm Duy, Minh Đức Hoài Trinh... khi đã nhận ra sự thật, Mai Thảo bỏ về thành. Năm 1954, ông di cư vào Nam. Ở Saigon, Mai Thảo chủ trương thành lập Tạp chí Sáng tạo. Ngoài ra, ông còn là linh hồn Tạp chí Văn, và tham gia Chương trình văn học nghệ thuật ở Đài phát thanh Saigon cho đến 1975. Năm 1977 Mai Thảo vượt biên và định cư tại Cali-Hoa Kỳ. Ông mất ở đó vào đầu năm 1998.

Cùng với bút danh Nguyễn Đăng, Mai Thảo viết trên 50 tác phẩm, đủ các thể loại từ tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim, tiểu luận cho đến thi ca. Nhưng đọc Mai Thảo, mảng truyện ngắn tùy bút, và thi ca cho tôi nhiều cảm xúc hơn cả. Bởi, sự trộn tùy bút vào truyện ngắn làm cho văn xuôi của Mai Thảo lóng lánh, giàu chất thơ. Với biện pháp thay đổi trật tự từ ngữ (cấu trúc cú pháp) câu văn, tạo nên âm hưởng ngân vang, du dương. Đây là nghệ thuật đặc sắc trong văn xuôi Mai Thảo. Tuy nhiên, đôi lúc do quá lạm dụng miêu tả, lạm dụng cảm xúc, nên Mai Thảo có những câu văn dài dòng, chậm, nhạt và sáo cho độc giả cảm giác mệt mỏi, ngại đọc.

Và đọc Mai Thảo, ta có thể thấy, không chỉ trong cuộc sống, mà tư tưởng tự do sáng tạo nhất quán, xuyên suốt, đậm nét trên trang văn, và cuộc sống Mai Thảo: “Để con người vẫn được làm người, và trái đất vẫn còn là trái đất, chúng ta cần phải tiếp tục cuộc tranh đấu cho tự do. Tự do là máu huyết của chúng ta. Tự do là không khí là hơi thở. Con người không thể mất được máu huyết không khí và hơi thở”. (Thư gửi người bên kia vĩ tuyến)

***Về đẹp mang tính chân thực, với lòng nhân bản, vị tha qua nghệ thuật tùy bút, truyện ngắn đặc sắc Mai Thảo.**

Hiệp định Genève 1954 cắt ngang hình đất nước. Đến với tự do, con đường duy nhất không riêng nhà văn, mà mọi người buộc phải rời bỏ Hà Nội vào miền Nam. Bởi, Hà Nội đã hết nắng. Hà Nội đã thiếu không khí, thiếu hơi thở. Màn đêm đen trùm kín cả Hà Nội... Trong hoàn cảnh, tâm trạng ấy, Mai Thảo đã trộn truyện ngắn vào tùy bút để viết nên “Đêm già từ Hà Nội”. Có thể nói, đây là một trong những truyện ngắn hay chân thực nhất của Mai Thảo. Ở đó, ta không chỉ thấy tài năng miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, mà còn thấy sự liên tưởng phong phú, với những hình ảnh ví von, so sánh sâu sắc qua biện pháp tu từ của ông. Và giọng văn thật nhẹ nhàng, truyền cảm, Mai Thảo làm cho người đọc nhiều cảm xúc, như được trở về thời gian, không gian của trên bảy chục năm trước, khi phải rời xa Hà Nội:

“Phượng nhìn xuống vực thẳm. Hà Nội ở dưới ấy.

Từ chỗ anh đứng, Phượng nhìn sang bờ đường bên kia. Những tầng bóng tối đã đặc lại thành khối hình. Từng chiếc một, những hàng mái Hà Nội nhòa dần. Phượng nhìn lên những hàng mái cũ kỹ, đau yếu ấy, giữa một phút giây nhoè nhạt, anh cảm thấy chúng chứa đựng rất nhiều tâm sự, rất nhiều nỗi niềm. Những tâm sự cảm lặng. Những nỗi niềm nghẹn ứ. Cửa Hà Nội. Cửa anh nữa. (...) Trên đầu Phượng, những ngọn lửa nhìn xuống. Ấy là những con mắt đau yếu của một Hà Nội không ngủ. Những ánh lửa tròn, nhọn nhọn, bé nhỏ, bị giam chặt giữa bóng tối. Phượng nghĩ đến những vì sao xa xôi đứng chết ở một góc trời cũ. Hệ thống ánh sáng Hà Nội đã hết bay múa. Bóng tối dềnh lên những đường lung linh. Từng điểm lửa gục đổ.”
(Đêm già từ Hà Nội)

Với tư tưởng tự do như vậy, cho nên ngay từ những ngày đầu cầm bút tính nhân bản, lòng vị tha dường như đã đi sâu vào trang văn Mai Thảo. Và “Trên những ngã đường không oán thù” là một truyện ngắn điển hình cho đặc điểm này. Tuy nó không nằm trong số truyện ngắn, tùy bút đặc sắc nhất về mặt nghệ thuật của Mai

Thảo, nhưng tính hiện thực, lòng vị tha đã vượt lên trên tính nghệ thuật ấy. Ở đó, ta còn thấy sự giải quyết mâu thuẫn nội tâm nhân vật rất hay và sâu sắc qua ngòi bút của nhà văn. Lòng hận thù của Quận trưởng Hoàng với Xuân (đội cải cách) lên đến đỉnh điểm. Nhưng khi biết Xuân cũng di cư vào Nam, Hoàng đã tha thứ, dù trong lòng đầy mâu thuẫn. Bởi vậy, đọc **“Trên những ngã đường không oán thù”** ta không chỉ thấy hình ảnh tàn nhẫn của cải cách ruộng đất hiện lên một cách chân thực, sinh động, mà còn thấy lý trí, tư tưởng Mai Thảo thật rõ ràng, trước nỗi đau, mất mát đó:

“Xuân đập bàn hét lớn. Y sô ghé tiến lại trước mặt ông cụ:

– Tên địa chủ này còn là bố một thằng Việt gian phản động. Nó đang làm quận trưởng ngục quyền. Nhân dân đòi đền tội.

Ông cụ già cứ quỳ như thế mà nhận lấy trận đòn thù. Như thế suốt đêm. Cũng là trận đòn cuối cùng. Buổi sáng hôm sau chúng kéo lê ông cụ về đến đầu ngõ rồi bỏ đi. Ông cụ bỏ mình ba hôm sau (...) Hoàng liền tìm đến chỗ Xuân ở, mang theo khẩu súng lục và những viên đạn anh định dành cho y. Hình ảnh người chết hiện lên. Những ảnh đuốc lửa bập bùng của đêm đấu tố. Căm thù. Vậy mà đến giữa hẻm, Hoàng quay trở ra. Anh bỏ căm thù, bỏ ngõ tối lại sau lưng. (...) Anh nghĩ đến Xuân. Đến cuộc sống mới Xuân tìm thấy được ở bên này. Giúp cho những người như Xuân được trở lại làm người, anh đã đánh thêm một đòn chí tử vào thành lũy Cộng sản. Mở cho những người như Xuân một lối thoát là gấp rút thêm sự đổ vỡ của Cộng sản, là gây được niềm tin tưởng ở Tự Do cho những người còn ở lại bên kia. “.

(Trên những ngã đường không oán thù)

Không chỉ khi đã định cư, tị nạn ở Hoa Kỳ, Mai Thảo có ước mong trở về:

“Có lẽ một ngày nào đó Việt Nam sẽ tự do và tôi có thể trở về. Tôi đang hạnh phúc ở đây nhưng nội tâm thì rất buồn bã. Buồn cho dân tộc tôi. (...) Chúng tôi cảm thấy như bị đánh mất phần hồn.”

mà ngay từ thập niên sáu mươi ở Saigon ông đã mơ có ngày trở về nhà ở vùng biển Chợ Cồn, nơi sinh ra và lớn lên. Bởi vậy, có thể nói, nỗi nhớ nhà, nhớ quê thường trực trong ông. Ước mơ, và khát vọng ấy, cho Mai Thảo cảm xúc viết nên: **“Căn nhà vùng nước mặn”**. Một tuyệt bút của ông. Với tôi, đây là tùy bút toàn bích nhất trong sự nghiệp sáng tạo (văn xuôi) của Mai Thảo, cũng là một trong những tùy bút hay, cảm động nhất của nền Văn học Việt Nam kể từ trước đến nay. Bởi, ngoài giọng văn trữ tình, sâu lắng, dường như ta còn thấy những kỷ niệm, hay đồ vật, cảnh vật xung quanh Mai Thảo đều có linh hồn và cuộc sống riêng: “Mái nhà ngó xuống, cửa sổ nhìn ra, nước trong lòng bể nhìn lên, quê hương vây lấy tôi”. (Căn nhà vùng nước mặn). Và lời văn đẹp, trau chuốt truyền cảm giàu chất thơ là đặc điểm nổi bật nhất trong văn xuôi của Mai Thảo, chứ không chỉ ở bút ký này. Nếu gọi ông là nhà văn của cảm duy cảm, duy mỹ thì cũng đúng thôi:

“Tôi sẽ về. Thẳng một mạch. Như con chim sẽ qua hàng nghìn đỉnh cây, hàng nghìn nóc nhà, vào thẳng cái tổ của nó trên kẽ mái. Tôi sẽ đi theo sức hút mầu nhiệm của một hình ảnh đẹp. Mỗi cây số đường gân thấy lòng ấm nóng trở lại. Cảm động và thơ dại trở lại. Đôi mắt tôi rung rung, tâm hồn tôi dịu xuống và tôi đi bằng băng. Tôi về thẳng căn nhà cũ của tôi. Những đoạn đường cuối cùng không có bạn hữu, khuất bóng thành phố, không tiếng động – tôi muốn thế – tôi sẽ về nhà một mình. Đó là lúc buổi chiều. Nắng đồng vàng bụi. Vòm trời đỏ thắm. Bóng tôi đổ xuống con đường nhỏ. Qua những lá tre ngón tay. Hết một con đê chân trời. Khỏi một góc đa cũ, đến một dòng sông hiền từ chảy dưới một chân tường. Mặt tường ghi những chữ vụng dại tôi đã viết lên, gửi đi cái kiến thức sơ đẳng của quyển sách vỡ lòng lên mặt tường cũ”

(Căn nhà vùng nước mặn)

Thành thật mà nói, tôi rất khoái đọc truyện ngắn, tùy bút mang tính thời sự của Mai Thảo. Dù mảng đề tài này, ông viết không hay cho lắm, nhưng tư tưởng, trang viết rất rạch ròi. Thật vậy, bác viết trắng phớ ra thế này, chẳng trách bị quy cho cái tội biệt kích văn hóa. Để rồi sau 1975 bác phải chui lủi, trốn chạy. Rất may, bác không bị vào rọ, bằng không số phận bác sẽ là Vũ Hoàng Chương thứ hai. Ta hãy đọc lại lời văn cảm nhận rất dân dã, chân thực về bên kia vĩ tuyến của Mai Thảo ở trích đoạn trong: “Câu chuyện của chị Ngự” dưới đây, giọng điệu sao giống mấy cụ bà ở miền biển Chợ Cồn quê ông, mắng rủa nhau đến thế:

“Từ những tiếng sóng hoàng hôn của vũng biển cũ đến tiếng cỏ lá sao động trong đêm rừng, vẫn chỉ là một hình thái của thiên nhiên bên cạnh những tâm tình rộng lớn của người tự do. Bên kia vĩ tuyến, đất Cộng Sản không có tiếng động. Biển Cộng Sản không có tiếng sóng. Rừng Cộng Sản không có tiếng lá. Đời sống Cộng Sản không có tiếng người. Chỉ có những hình người. Không có những con người. Đất bên ấy ngập ngụa những đồng chí, những cán bộ, những anh hùng. Nhưng con người thì không có nữa”.

Thay đổi trật tự từ ngữ, hay dấu ngắt nhịp trong câu văn, dường như Mai Thảo đã thành công thi pháp mới sáng tạo để câu văn ngắt, hay trải dài theo cảm xúc. Tuy nhiên, đôi khi câu văn dài dòng, rườm rà gây cảm giác nặng nề cho người đọc. Bởi vậy, không phải ai cũng khoái đọc Mai Thảo. Và “Một chuyến tàu trên sông Hồng” là tùy bút được nhiều người biết đến của Mai Thảo, nhưng có những câu (hay đoạn văn) lòng thòng, rối rắm, chứng minh điều đó:

“Một gói muối vừng rang mặn, mẹ ngồi xỏm rang vừng trên cái bếp kiềng ba chân, trong căn nhà bếp sát vách chuồng trâu khói rom kết đọng thành bồ hóng phủ kín như một lớp rêu đen nhầy trên các đầu kèo, mẹ già vừng bằng chà gỗ trong cối đá có vân xanh, mẹ xát vừng trên cái nia tre nhỏ, rồi gói vào lá chuối tươi cùng khoanh cơm nắm nhuyễn như bột mẹ nấu trong cái niêu đất nhỏ bằng gạo tám thơm để dành trong lu sành đặt dưới gầm bàn thờ, bằng nước mưa mùa hè chảy xuống cái bể rêu có ống máng cau dẫn nước từ đầu chái xuống”.

Có thể nói, Mai Thảo là nhà văn tài năng hàng đầu về miêu tả thiên nhiên, diễn biến tâm lý nhân vật. Với trí tưởng tượng và sự liên tưởng phong phú, Mai Thảo không chỉ làm cho lời văn sinh động, sâu sắc mà còn đưa đến người đọc nhiều điều mới mẻ. Tùy bút, truyện ngắn Mai Thảo giàu chất thơ, thiên về cảm xúc, với tấm lòng bao dung, nhân ái, do vậy lời văn sáng và đẹp. Sự thay đổi trật tự của từ ngữ, hay dấu ngắt câu, Mai Thảo có thể đã thành công về giọng điệu, đặc trưng phong cách riêng, nhưng chưa hẳn đã làm thỏa mãn không ít người đọc nghiêng về trật tự, cấu trúc truyền thống.

***Trang thơ cứu rỗi linh hồn cô đơn.**

Nếu văn xuôi Mai Thảo mở ra, giải bày, chia sẻ tâm hồn, cuộc sống với tha nhân, thì thi ca gói gọn lòng mình trong nỗi cô đơn quạnh quẽ. Ở đó dường như ông mới trút bỏ hết được nỗi lòng mình. Bởi vậy, những năm cuối đời, Mai Thảo mới chùng cất nên: “Ta thấy hình ta những miếu đền”. Một tập thơ duy nhất, được xuất bản năm 1989, gói gọn nỗi cô đơn, buồn đau ấy của ông. Mai Thảo viết phần nhiều thơ tứ tuyệt, mang tính triết lý, trí tuệ khác với tùy bút nghiêng về cảm xúc của ông.

Sự chia ly là nỗi buồn lớn nhất cuộc đời Mai Thảo. Một lần ra đi, và một lần trốn chạy, để Mai Thảo không bao giờ được quay trở về chốn cũ. Nỗi nhớ thương ấy, để ông viết nên: Cành. Một bài thơ với phép so sánh, đọc lên đau quặn thắt cả tâm hồn:

*“Cành đứt lia mong ngày ghép lại
Vào thân hồng thủy ở rừng xa
Mười lăm năm chỉ niềm mong ấy
Cháy bỏng trên từng đốt ngón ta”*
(Cành)

Và được gặp lại tưởng là vui, vậy mà sâu thẳm nỗi buồn trong lòng thi sĩ. Chỗ đặt là một bài tứ tuyệt thật hóm hỉnh, ý nhị như vậy của Mai Thảo. Đọc nó, tôi bật tiếng cười, nhưng chợt nhận ra, dường như không phải với tiền nhân:

*“Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tủm còn thương chỗ đặt nào”*
(Chỗ đặt)

Và những đêm dài quạnh quẽ ấy, nhà thơ đã mượn hoa, mượn trăng để vẽ nên khung cảnh hiu hắt, với bóng hình cô đơn đến tận cùng của mình:

*“Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vàng trắng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy”*
(Không tiếng).

Có một điều đặc biệt, thơ Mai Thảo nghiêng về lý trí, song cũng ăm ắp hình tượng. Và tài năng liên tưởng, mượn hình ảnh, hình tượng để thổ lộ, giãi bày, so sánh nỗi buồn đau thật sâu sắc, độc đáo của ông. Thật vậy, “**Một mình**” là bài thơ điển hình, mang hình thức nghệ thuật này của Mai Thảo. Với hình ảnh từ ngữ, sinh

động, có thể nói đây là một trong những bài tôi khoái, và xúc động nhất trong tập thơ "**Ta thấy hình ta những miếu đền**" của ông:

*"Ngồi tượng hình riêng một góc quây
Tiếng người: kia, uống cái chi đây?
Uống ư? một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy"*

Dù ban ngày, hay lúc nửa đêm dường như cửa nhà Mai Thảo lúc nào cũng rộng mở. Sự khao khát bạn bè, khao khát tiếng nói, tiếng động luôn thường trực trong nỗi niềm cô quạnh Mai Thảo. Khao khát là vậy, song có lẽ, ông chỉ có thể gặp được bạn trong giấc ngủ chập chờn, dưới cơn mưa rả rích buồn thiu ấy:

*"Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Mưa thả đều trên giấc ngủ đen"*
(Đợi bạn)

Rộng mở là vậy, song Mai Thảo vẫn thấy như bị giam hãm, cầm tù. Bởi vậy, đọc "**Mỗi ngày một**" ta thấy tâm trạng ông thật bi quan, và chán nản. Và trong cái tận cùng đó: "**Gạch miết tới không còn chỗ gạch**" Mai Thảo muốn tìm đến một sự giải thoát, mang tính vĩnh hằng chẳng:

*"Mỗi ngày một gạch mỗi ngày giam
Lên bức tường cam cạnh chỗ nằm
Gạch miết tới không còn chỗ gạch
Gạch vào trôi giạt tới nghìn năm"*

Đọc "**Ta thấy hình ta những miếu đền**" mang tính triết luận giữa cực tiểu và cực đại hay vi mô và vĩ mô của Mai Thảo làm tôi nhớ đến bài Mặt Trời Và Hạt Sương của Trần Mạnh Hảo:

*"Mặt trời quá vĩ đại
Hạt sương quá nhỏ nhoi
Mặt trời không mang nổi
Dù một hạt sương rơi
Nhưng trong hạt sương ấy
Có bao nhiêu mặt trời"*

Không biết hai bác nhà thơ gốc gác Hải Hậu, Nam Định này có khoái đọc Trang Tử hay không? mà có sự chiêm nghiệm để viết nên những trang thơ triết lý sâu sắc đến vậy:

*"Ta thấy tên ta những băng đường
Đời ta, sử chép cả ngàn chương
Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương..."*
(Ta thấy hình ta những miếu đền)

Mai Thảo làm nhiều thơ mang tính chiêm nghiệm, triết lý. Và bài thơ nào đọc cũng khoái, và gọi cho ta nhiều điều phải suy nghĩ như: "**Cục Đất**", hay "**Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại**"...

Và với tôi "**Em Đã Hoang Đường Từ Cổ Đại**" có lẽ là bài thơ thất ngôn toàn bích nhất của Mai Thảo. Bài thơ gồm 5 khổ, mỗi khổ hoàn toàn có thể là một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt hay. Và khổ cuối cùng dưới đây, không chỉ có lời thơ rất đẹp, mang mang hồn cổ phong, chạm đến triết lý nhà Phật, mà ta còn thấy sự chiêm nghiệm sâu sắc của nhà thơ:

*"Đừng khóc dấu mưa là nước mắt
Đừng đau dấu đá cũng đau buồn
Tâm em là Bụt tâm anh Phật
Trên mỗi tâm ngời một nhánh hương"*

Tiếng hú gọi trong không gian tĩnh lặng đến ghê sợ đó, dường như Mai Thảo muốn quấy đập, gào thét phá bỏ bằng một trận cuồng phong chẳng? Tôi không rõ, Mai Thảo viết bài thơ "**Gọi Thức**" trong tâm trạng, và hoàn cảnh như thế nào. Bởi vậy, tôi đọc bài thơ theo nhiều tầng ngữ nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, đặt và đọc "**Gọi**

Thức“ ở thơ về thể sự xã hội, cho tôi nhiều cảm xúc hơn cả. Đọc nó, cho tôi nhớ đến “Gió đi dưới trời“ của Thế Dũng (Berlin). Có lẽ, các bác đang gom hết gió, quyết làm một trận cuồng phong gửi về quê nhà chẳng:

*“Này suối này rừng cùng tịch lặng
Đất nín nghìn năm cũng lặng cùng
Dậy đi! Dậy hết thành giông bão
Nhảy dựng ngang đời thế đá tung“*

Có lẽ, Mai Thảo và Vũ Hoàng Chương đôi bạn rất tâm linh tương thông, cho nên năm cuối đời đều để lại bài thơ thất ngôn tứ tuyệt về kiếp người rất hay, và sâu sắc. Nếu Vũ Hoàng Chương với “Dấu Hối Vây Quanh Kiếp Người“ đọc ai cũng chờn chờn, rợn rợn:

*“Dấu hối vây quanh trọn kiếp người
Sên bò nát óc máu thâm rơi
Chiều nay một dấu than buông dứt
Đinh đóng vào sãng tiếng trả lời.”*

thì Mai Thảo: *Không Hiểu*. Một bài thơ cũng mang câu hỏi, suốt đời viết văn làm thơ Mai Thảo không thể trả lời. Và chỉ khi tiếng búa đóng vào sãng, hay nằm trong đất, đọc sao trời mới tìm ra lời giải đáp. Cũng như Vũ Hoàng Chương mở ra cái hữu hạn của đời người, trong cái vô hạn của vũ trụ thiên nhiên, cuộc sống, Mai Thảo thản nhiên đi vào cõi vô tận:

*“Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi“*

Tôi nghĩ, văn thơ Mai Thảo sẽ còn sống mãi, nếu người đọc vẫn còn yêu cái đẹp, và rung động trước nó. Và trên hết, ta thấy cái tinh của ông đối với văn chương, đối với bạn bè. Đó là cái giá trị sâu sắc, lâu dài của Mai Thảo. Và cho đến nay, với tôi, chưa có ai có thể thay thế vai trò: NGƯỜI GIỮ LỬA CHO VĂN HỌC VIỆT HẢI NGOẠI của Mai Thảo, trong lòng người đọc.

Leipzig ngày 11-4-2024

Đỗ Trường